

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS NGÔ SĨ LIÊN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGỮ	TOÁN		
1	37264	LÊ PHẠM QUỐC	AN	9A3	NAM	08/11/2002	TP HCM	5,50	4,75	3,00	1,50	23,25
2	37266	NGUYỄN PHƯỚC THÙY	AN	9A4	NỮ	04/11/2002	TP HCM	6,25	6,25	5,00	1,00	29,75
3	37269	NGUYỄN VĂN HÀ	AN	9A12	NAM	18/08/2002	TP HCM	4,50	7,50	2,75	1,00	23,00
4	37270	NGUYỄN VŨ	AN	9A8	NAM	18/05/2002	TP HCM	6,00	9,00	6,75	1,50	36,00
5	37271	PHẠM QUỐC	AN	9A13	NAM	21/09/2002	TP HCM	5,00	6,25	3,75	1,00	24,75
6	37272	TRẦN ĐỨC	AN	9A7	NAM	07/10/2002	TP HCM	7,25	5,50	2,50	1,00	26,00
7	37273	TRẦN THỊ THÚY	AN	9A2	NỮ	15/01/2002	TP HCM	7,00	8,75	5,50	1,50	35,25
8	37277	CAO MINH	ANH	9A4	NỮ	15/08/2002	TP HCM	6,00	4,00	3,25	1,00	23,50
9	37279	ĐÀO DUY SONG	ANH	9A3	NỮ	07/12/2002	TP HCM	5,50	4,00	5,50	1,00	27,00
10	37280	ĐẶNG NGỌC VÂN	ANH	9A12	NỮ	14/05/2002	TP HCM	5,75	2,00	2,75	1,50	20,50
11	37281	ĐINH NGỌC TÚ	ANH	9A11	NỮ	15/07/2002	TP HCM	6,50	5,50	4,00	1,00	27,50
12	37282	ĐỖ TRÂM	ANH	9A12	NỮ	27/09/2002	TP HCM	5,25	3,50	5,50	0,00	25,00
13	37286	HỒ NGỌC LAN	ANH	9A9	NỮ	16/05/2002	TP HCM	6,50	8,75	3,25	1,00	29,25
14	37290	HUỲNH THỊ MỸ	ANH	9A12	NỮ	26/08/2002	TP HCM	6,50	3,75	1,00	0,50	19,25
15	37291	LÊ MINH	ANH	9A4	NỮ	25/04/2002	ĐỒNG NAI	7,00	8,50	5,00	1,50	34,00
16	37292	LÊ NGUYỄN TUẤN	ANH	9A5	NAM	13/10/2002	TP HCM	5,75	6,50	5,25	1,50	30,00
17	37293	LÊ THỊ NGỌC	ANH	9A5	NỮ	04/04/2002	TP HCM	6,50	3,00	3,00	0,50	22,50
18	37294	LÊ THỊ VÂN	ANH	9A3	NỮ	19/07/2002	TP HCM	6,00	5,50	2,50	0,50	23,00
19	37295	LÊ TRỊNH QUỐC	ANH	9A5	NAM	06/07/2002	TP HCM	6,25	2,50	4,00	0,50	23,50
20	37301	NGUYỄN HOÀNG MỸ	ANH	9A6	NỮ	11/09/2002	TP HCM	7,50	7,00	6,00	1,50	35,50
21	37303	NGUYỄN HỒ HẢI	ANH	9A9	NAM	09/09/2002	TP HCM	6,50	5,00	4,50	1,00	28,00
22	37305	NGUYỄN NGỌC LAN	ANH	9A4	NỮ	03/12/2002	TP HCM	6,75	5,25	4,25	1,00	28,25
23	37306	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	ANH	9A11	NỮ	05/08/2002	TP HCM	6,25	3,25	4,50	1,00	25,75
24	37307	NGUYỄN NHẬT	ANH	9A8	NAM	30/08/2002	TP HCM	6,00	5,00	5,00	1,50	28,50
25	37308	NGUYỄN PHÚC CÁT	ANH	9A10	NỮ	30/08/2002	TP HCM	7,75	2,25	2,75	1,00	24,25
26	37309	NGUYỄN QUANG	ANH	9A7	NAM	31/03/2002	TP HCM	7,50	8,25	6,00	1,50	36,75

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS NGÔ SĨ LIÊN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
27	37311	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	9A11	NỮ	22/10/2002	TP HCM	5,75	4,00	1,75	2,50	21,50
28	37312	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	9A5	NỮ	23/06/2002	TP HCM	6,50	6,75	4,25	1,00	29,25
29	37315	NGUYỄN VĂN	ANH	9A11	NỮ	18/11/2002	TP HCM	5,50	3,25	0,50	0,50	15,75
30	37318	PHẠM HOÀNG THIÊN	ANH	9A11	NAM	01/02/2002	QUẢNG NAM	4,00	2,25	1,00	1,00	13,25
31	37321	PHẠM QUỲNH TÚ	ANH	9A12	NỮ	25/10/2002	TP HCM	6,75	5,50	2,75	1,00	25,50
32	37323	PHẠM THỊ TRÂM	ANH	9A12	NỮ	12/08/2002	AN GIANG	-1,00	-1,00	-1,00	1,00	-4,00
33	37325	PHAN KIM	ANH	9A11	NỮ	08/07/2002	TP HCM	6,50	6,50	6,75	1,50	34,50
34	37327	TĂNG NGUYỄN TRÂM	ANH	9A2	NỮ	15/11/2002	TP HCM	7,00	7,50	4,25	1,50	31,50
35	37328	TRẦN DƯƠNG QUỲNH	ANH	9A7	NỮ	11/10/2002	TP HCM	8,00	8,25	6,50	1,50	38,75
36	37329	TRẦN NAM	ANH	9A4	NAM	01/06/2002	TP HCM	6,25	5,00	3,25	1,50	25,50
37	37334	TRẦN TUẤN	ANH	9A10	NAM	30/12/2002	TP HCM	4,50	5,25	2,00	1,50	19,75
38	37336	VÕ GIANG QUỲNH	ANH	9A9	NỮ	12/07/2002	TP HCM	6,50	4,50	3,00	1,00	24,50
39	37337	VŨ HOÀNG	ANH	9A8	NAM	25/10/2002	NINH BÌNH	5,50	7,25	5,75	1,50	31,25
40	37344	NGUYỄN THIÊN	ÂN	9A13	NAM	16/04/2002	TP HCM	7,25	7,50	5,00	1,50	33,50
41	37345	NGUYỄN THIÊN	ÂN	9A10	NAM	30/07/2002	TP HCM	7,50	9,00	6,50	1,50	38,50
42	37346	TRỊNH QUỐC	ÂN	9A9	NAM	31/08/2002	TP HCM	7,25	7,50	5,00	1,00	33,00
43	37347	NGUYỄN THÁI XUÂN	BÁCH	9A9	NAM	11/10/2002	TP HCM	7,50	8,75	4,75	1,00	34,25
44	37348	NGUYỄN VĂN	BÁCH	9A11	NAM	29/01/2002	TP HCM	5,00	2,75	4,00	1,00	21,75
45	37350	CHÂU NGUYỄN QUỐC	BẢO	9A13	NAM	28/11/2002	TP HCM	6,50	7,25	5,50	1,50	32,75
46	37353	NGUYỄN NGỌC	BẢO	9A12	NAM	01/12/2002	TP HCM	4,50	2,25	4,00	1,00	20,25
47	37355	PHẠM THIỆN	BẢO	9A12	NAM	15/05/2002	TP HCM	7,25	7,75	6,00	1,50	35,75
48	37357	PHÓ ĐỨC GIA	BẢO	9A8	NAM	20/06/2002	TP HCM	7,00	8,00	6,75	1,00	36,50
49	37360	VŨ QUỐC	BẢO	9A5	NAM	01/04/2002	TP HCM	6,25	4,75	3,25	1,50	25,25
50	37361	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	9A11	NỮ	13/01/2002	TP HCM	6,50	4,00	4,75	0,00	26,50
51	37367	TRẦN THANH	BÌNH	9A4	NAM	01/10/2002	TP HCM	6,50	3,25	0,25	2,50	19,25
52	37369	MAI THIỆN	BỒN	9A9	NAM	17/12/2002	TP HCM	7,50	8,75	7,25	1,50	39,75

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS NGÔ SĨ LIÊN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGỮ	TOÁN		
53	37370	ĐOÀN TUẤN	CẢNH	9A13	NAM	08/01/2002	TP HCM	5,25	1,50	0,50	1,00	14,00
54	37373	HÀ THUY MINH	CHÂU	9A9	NỮ	17/12/2002	TP HCM	7,50	8,50	7,50	1,50	40,00
55	37376	NGÔ NGUYỄN BẢO	CHÂU	9A3	NỮ	06/01/2002	TP HCM	7,75	8,75	5,00	2,50	36,75
56	37377	NGUYỄN MINH	CHÂU	9A10	NỮ	26/03/2002	TP HCM	6,75	8,00	4,50	1,50	32,00
57	37381	PHẠM HỒNG	CHÂU	9A1	NỮ	16/07/2002	TP HCM	6,75	4,25	3,25	1,50	25,75
58	37385	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	CHI	9A5	NỮ	13/05/2002	HÀ TĨNH	5,75	4,50	3,50	1,50	24,50
59	37388	MAI CHÍ	CÔNG	9A5	NAM	28/06/2002	TP HCM	5,50	4,50	4,75	1,00	26,00
60	37389	NGUYỄN MINH	CÔNG	9A3	NAM	10/10/2002	NAM ĐỊNH	7,00	7,75	8,00	0,00	37,75
61	37390	VÕ THÀNH	CÔNG	9A4	NAM	23/04/2002	TP HCM	4,00	1,75	2,50	0,00	14,75
62	37391	VŨ THÀNH	CÔNG	9A13	NAM	12/04/2002	TP HCM	7,25	8,25	4,50	1,50	33,25
63	37392	HOÀNG MẠNH	CƯỜNG	9A7	NAM	22/11/2002	TP HCM	6,75	5,50	5,00	1,00	30,00
64	37393	NGUYỄN ĐỖ MẠNH	CƯỜNG	9A5	NAM	09/03/2002	TP HCM	5,25	3,00	0,75	0,50	15,50
65	37396	NGUYỄN THANH	DANH	9A3	NAM	09/08/2002	TP HCM	6,25	5,50	4,50	1,50	28,50
66	37397	TRẦN CÔNG	DANH	9A8	NAM	28/09/2002	TP HCM	6,50	3,50	3,25	1,50	24,50
67	37398	TRẦN TUẤN	DANH	9A4	NAM	25/08/2002	TP HCM	7,50	8,75	5,25	1,50	35,75
68	37400	ĐỒNG VĂN	DÂN	9A4	NAM	05/05/2002	TP HCM	6,25	5,75	4,25	1,50	28,25
69	37402	LÊ NGỌC	DIỆP	9A11	NỮ	12/10/2002	TP HCM	5,50	2,50	2,50	0,50	19,00
70	37404	ĐẶNG KHẢ	DOANH	9A13	NỮ	16/09/2002	TP HCM	5,00	4,25	1,50	1,00	18,25
71	37405	TRẦN CHÂU	DOANH	9A5	NỮ	15/09/2002	TP HCM	6,25	8,25	6,75	1,50	35,75
72	37406	TRẦN QUỐC	DOANH	9A11	NAM	16/12/2002	TP HCM	6,50	3,50	3,75	1,00	25,00
73	37407	NGUYỄN KHÁNH	DU	9A11	NỮ	24/01/2002	TP HCM	6,75	4,75	7,00	1,50	33,75
74	37409	HÒANG THIỀU THÙY	DUNG	9A11	NỮ	01/09/2002	TP HCM	5,25	6,25	0,50	1,50	19,25
75	37414	BÙI THẾ	DŨNG	9A8	NAM	06/08/2002	TP HCM	5,75	5,75	4,75	1,50	28,25
76	37415	HÀ VŨ	DŨNG	9A5	NAM	24/12/2002	TP HCM	5,50	3,00	2,75	0,00	19,50
77	37419	CHÂU HOÀNG	DUY	9A13	NAM	25/12/2002	TP HCM	4,25	8,75	4,50	1,50	27,75
78	37420	NGUYỄN NHẬT	DUY	9A9	NAM	25/10/2002	TP HCM	6,50	8,00	3,75	1,00	29,50

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS NGÔ SĨ LIÊN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGỮ	TOÁN		
79	37424	PHẠM NGÔ	DUY	9A5	NAM	03/01/2001	TP HCM	6,75	6,50	0,75	1,00	22,50
80	37427	VŨ ĐOÀN QUỐC	DUY	9A3	NAM	29/03/2002	TP HCM	5,00	2,50	2,25	1,50	18,50
81	37429	LÊ HUYNH NGỌC	DUYÊN	9A6	NỮ	06/01/2002	TP HCM	6,00	8,00	3,50	1,50	28,50
82	37433	TRƯỜNG MỸ	DUYÊN	9A12	NỮ	10/08/2002	TP HCM	5,25	2,75	0,50	1,00	15,25
83	37434	VŨ QUYNH	DUYÊN	9A4	NỮ	23/12/2002	HẢI PHÒNG	7,75	5,75	5,75	1,50	34,25
84	37436	NGUYỄN ĐỨC	DƯƠNG	9A2	NAM	28/07/2002	TP HCM	6,25	8,50	4,50	1,50	31,50
85	37438	PHAN THỊ THÙY	DƯƠNG	9A3	NỮ	10/11/2002	TP HCM	5,50	2,25	4,00	1,00	22,25
86	37439	VŨ NGUYỄN THÙY	DƯƠNG	9A7	NỮ	29/09/2002	TP HCM	7,25	5,75	7,25	1,00	35,75
87	37440	NGUYỄN HỮU	ĐẠI	9A10	NAM	03/01/2002	TP HCM	5,50	4,50	5,00	0,00	25,50
88	37448	NGUYỄN HOÀI	ĐẠT	9A3	NAM	21/09/2002	TP HCM	4,50	7,25	6,00	1,00	29,25
89	37449	NGUYỄN MINH	ĐẠT	9A3	NAM	29/05/2002	TP HCM	6,50	8,00	5,00	1,50	32,50
90	37450	NGUYỄN PHƯỚC QUÝ	ĐẠT	9A12	NAM	22/03/2002	HUẾ	5,00	5,25	3,50	1,00	23,25
91	37454	THÁI QUỐC	ĐẠT	9A12	NAM	14/04/2002	TP HCM	5,25	7,75	5,50	1,00	30,25
92	37456	ĐỖ HOÀNG MINH	ĐĂNG	9A13	NAM	17/06/2002	TP HCM	5,50	7,75	6,25	1,50	32,75
93	37464	NGUYỄN ANH	ĐỨC	9A3	NAM	06/09/2002	TP HCM	6,00	6,50	4,25	0,50	27,50
94	37465	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	9A4	NAM	21/01/2002	TP HCM	6,25	9,75	7,00	1,50	37,75
95	37471	NGUYỄN HUỆ NGÂN	GIANG	9A4	NỮ	24/07/2002	TP HCM	5,75	3,00	3,75	1,50	23,50
96	37472	NGUYỄN NGỌC SONG	GIANG	9A10	NỮ	01/09/2002	TP HCM	5,50	5,25	4,00	1,00	25,25
97	37473	NGUYỄN THỊ NGUYỄN	GIANG	9A9	NỮ	30/03/2002	TP HCM	6,25	4,00	4,00	1,50	26,00
98	37476	VÕ TRẦN TƯỜNG	GIANG	9A8	NỮ	04/04/2002	TP HCM	6,00	7,75	6,00	1,50	33,25
99	37478	TRẦN PHÙNG PHƯƠNG	GIAO	9A13	NỮ	31/03/2002	TP HCM	7,25	6,75	4,00	1,50	30,75
100	37483	VŨ QUANG	HÀ	9A2	NAM	07/02/2002	TP HCM	6,00	8,25	5,25	1,50	32,25
101	37495	NGUYỄN THỊ TỔ	HẢO	9A5	NỮ	07/05/2002	TP HCM	6,75	6,75	5,00	1,50	31,75
102	37498	LƯU GIA	HÂN	9A4	NỮ	30/04/2002	TP HCM	3,50	2,75	0,75	2,00	13,25
103	37501	NGUYỄN NGỌC	HÂN	9A9	NỮ	24/12/2002	TP HCM	7,00	8,00	5,00	1,50	33,50
104	37503	TRẦN BẢO	HÂN	9A3	NỮ	02/02/2002	TP HCM	6,25	5,50	0,75	1,50	21,00

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS NGÔ SĨ LIÊN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGỮ	TOÁN		
105	37504	TRẦN NGỌC	HÂN	9A13	NỮ	19/01/2002	TP HCM	5,50	7,50	4,00	1,00	27,50
106	37505	TRẦN NGỌC	HÂN	9A12	NỮ	01/09/2002	TP HCM	7,00	9,00	5,50	1,50	35,50
107	37508	ĐỖ THỊ THU	HẰNG	9A6	NỮ	26/04/2002	TP HCM	6,75	7,50	6,00	1,50	34,50
108	37510	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	HẰNG	9A3	NỮ	09/06/2002	BÌNH ĐỊNH	6,00	6,25	0,50	1,50	20,75
109	37511	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	HẰNG	9A10	NỮ	23/12/2002	TIỀN GIANG	5,25	3,75	4,00	1,50	23,75
110	37519	NGUYỄN THÚY	HIỀN	9A3	NỮ	24/12/2002	TP HCM	6,50	2,50	2,25	1,00	21,00
111	37523	NGUYỄN HỮU	HIỆP	9A10	NAM	24/10/2002	TP HCM	6,00	8,75	5,50	1,50	33,25
112	37525	BÙI TRUNG	HIẾU	9A11	NAM	23/04/2002	HẢI DƯƠNG	5,50	8,75	5,75	1,50	32,75
113	37528	ĐỖ VŨ TRUNG	HIẾU	9A4	NAM	26/09/2002	NAM ĐỊNH	5,75	5,75	2,25	1,00	22,75
114	37531	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	9A5	NAM	06/02/2001	PHÚ THỌ	3,50	5,00	0,50	1,00	14,00
115	37532	NGUYỄN LÊ MINH	HIẾU	9A10	NAM	03/07/2002	TP HCM	7,25	8,25	5,25	1,50	34,75
116	37535	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	9A10	NAM	19/12/2002	TP HCM	5,75	7,50	5,75	1,50	32,00
117	37538	VŨ MINH	HIẾU	9A9	NAM	16/06/2002	TP HCM	5,50	9,25	5,50	1,50	32,75
118	37539	NGUYỄN HỮU	HIỆU	9A2	NAM	04/08/2002	TP HCM	6,75	9,75	7,25	1,50	39,25
119	37540	HÀ NGỌC	HOA	9A13	NỮ	20/03/2002	TP HCM	5,50	5,00	4,75	1,00	26,50
120	37542	VÕ NGỌC MAI	HOA	9A6	NỮ	16/11/2002	TP HCM	6,25	9,50	7,00	0,00	36,00
121	37545	LÊ	HOÀNG	9A10	NAM	08/04/2002	TP HCM	7,00	9,50	7,75	1,50	40,50
122	37547	NGUYỄN MINH	HOÀNG	9A13	NAM	25/12/2002	TP HCM	7,00	7,25	5,00	1,50	32,75
123	37549	NGUYỄN VIỆT	HOÀNG	9A4	NAM	20/06/2002	TP HCM	5,75	6,50	1,00	1,00	21,00
124	37556	HOÀNG VĂN	HUÂN	9A3	NAM	14/09/2002	TP HCM	6,00	7,25	5,50	1,50	31,75
125	37557	TÔN THẮT	HUÂN	9A12	NAM	11/03/2002	TP HCM	6,25	5,75	4,75	1,50	29,25
126	37560	NGUYỄN MINH	HÙNG	9A8	NAM	07/02/2002	TP HCM	6,50	5,50	2,75	1,00	25,00
127	37562	CHÂU HOÀNG MINH	HUY	9A11	NAM	25/11/2002	TP HCM	4,50	4,00	3,00	1,50	20,50
128	37564	HOÀNG TRƯỞNG GIA	HUY	9A5	NAM	15/10/2002	TP HCM	5,00	4,00	2,50	0,50	19,50
129	37570	NGUYỄN HUỲNH GIA	HUY	9A13	NAM	22/10/2002	TP HCM	6,50	5,75	4,50	1,00	28,75
130	37571	NGUYỄN LÊ ĐÌNH	HUY	9A9	NAM	10/06/2002	TP HCM	5,50	4,75	3,25	0,50	22,75

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS NGÔ SĨ LIÊN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGỮ	TOÁN		
131	37572	NGUYỄN NGỌC GIA	HUY	9A4	NAM	10/10/2002	BÌNH ĐỊNH	4,75	3,00	0,00	1,00	13,50
132	37573	NGUYỄN PHƯỚC	HUY	9A11	NAM	12/12/2002	TP HCM	5,00	3,25	1,75	0,50	17,25
133	37575	NGUYỄN QUỐC	HUY	9A4	NAM	04/11/2002	PHÚ THỌ	6,50	4,75	4,25	1,50	27,75
134	37579	THANG NGUYỄN GIA	HUY	9A4	NAM	02/04/2002	TP HCM	5,75	4,25	1,75	1,00	20,25
135	37582	TRẦN XUÂN	HUY	9A12	NAM	29/06/2002	TP HCM	4,25	4,25	2,75	0,50	18,75
136	37583	VÕ LÂM GIA	HUY	9A11	NAM	16/10/2002	TP HCM	5,00	4,75	4,75	0,50	24,75
137	37585	BÙI THỊ THANH	HUYỀN	9A13	NỮ	08/09/2002	TP HCM	6,00	5,00	4,50	1,50	27,50
138	37586	LÊ THỊ THANH	HUYỀN	9A6	NỮ	04/03/2002	TP HCM	7,25	8,25	6,50	1,50	37,25
139	37590	PHAN THANH	HUYỀN	9A11	NỮ	05/08/2002	TP HCM	5,00	4,00	1,00	0,50	16,50
140	37591	NGUYỄN QUANG	HÙNG	9A9	NAM	09/12/2002	QUẢNG NGÃI	6,75	7,75	5,25	1,50	33,25
141	37592	NGUYỄN VIỆT	HÙNG	9A10	NAM	28/10/2002	TP HCM	7,25	9,00	6,25	1,50	37,50
142	37597	TRỊNH MINH	HƯỜNG	9A10	NỮ	13/10/2002	TP HCM	6,50	8,00	4,50	0,00	30,00
143	37598	VŨ QUỲNH	HƯỜNG	9A13	NỮ	04/10/2002	TP HCM	6,25	1,25	0,50	1,00	15,75
144	37600	NGUYỄN VĂN	HỮU	9A3	NAM	30/12/2002	TP HCM	6,75	7,50	7,00	1,50	36,50
145	37602	TỪ ĐỖ GIA	HY	9A5	NAM	05/02/2001	TP HCM	5,75	6,00	3,25	0,00	24,00
146	37605	ĐOÀN HUỲNH	KHÁ	9A6	NAM	26/03/2002	TP HCM	7,25	6,50	6,25	2,50	36,00
147	37607	NHƯ ĐÌNH	KHẢI	9A12	NAM	16/12/2002	TP HCM	6,75	4,50	5,00	1,00	29,00
148	37608	ĐÌNH TRẦN ĐÔNG	KHANG	9A9	NAM	01/01/2002	TP HCM	6,50	9,25	4,00	1,00	31,25
149	37609	ĐOÀN PHÚC	KHANG	9A11	NAM	23/12/2002	TP HCM	6,00	7,25	4,00	1,50	28,75
150	37612	NGUYỄN VŨ MINH	KHANG	9A7	NAM	25/10/2002	ĐỒNG NAI	8,00	6,25	6,25	1,50	36,25
151	37614	PHÙNG QUỐC	KHANG	9A2	NAM	08/10/2002	TP HCM	8,00	5,75	4,25	1,00	31,25
152	37619	ĐỖ HOÀNG	KHANH	9A4	NAM	27/10/2002	TP HCM	5,50	4,00	1,50	1,00	19,00
153	37622	NGUYỄN LỮ KIỀU	KHANH	9A6	NỮ	17/11/2002	TP HCM	7,00	5,75	5,50	1,00	31,75
154	37623	NGUYỄN NGỌC BẢO	KHANH	9A9	NỮ	19/12/2002	TP HCM	6,50	6,50	3,00	1,00	26,50
155	37626	TRỊNH HOÀNG BẢO	KHANH	9A7	NAM	17/05/2002	TP HCM	7,25	7,50	4,00	1,50	31,50
156	37628	ĐỖ THÁI HOÀNG	KHÁNH	9A7	NỮ	28/04/2002	TP HCM	6,50	8,50	5,00	1,50	33,00

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS NGÔ SĨ LIÊN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGỮ	TOÁN		
157	37631	NGUYỄN BẢO	KHÁNH	9A8	NAM	20/09/2002	TP HCM	7,50	9,50	8,75	1,50	43,50
158	37633	NGUYỄN TRƯỜNG QUANG	KHÁNH	9A9	NAM	27/01/2002	KHÁNH HÒA	6,25	7,25	2,25	0,50	24,75
159	37635	TRẦN AN	KHÁNH	9A3	NỮ	13/12/2002	TP HCM	6,75	3,25	2,25	0,50	21,75
160	37636	LÊ THIÊN	KHIÊM	9A11	NAM	03/05/2002	TP HCM	6,25	4,50	2,50	1,00	23,00
161	37637	NGÔ ĐÌNH	KHIÊM	9A13	NAM	08/06/2002	TP HCM	4,25	2,75	1,75	1,50	16,25
162	37642	NGUYỄN LÝ ĐĂNG	KHOA	9A3	NAM	14/09/2002	TP HCM	6,50	7,25	6,50	2,50	35,75
163	37647	VŨ ANH	KHOA	9A8	NAM	04/05/2002	TP HCM	6,50	7,75	5,50	0,00	31,75
164	37650	NGUYỄN TUẤN	KHÔI	9A11	NAM	13/07/2002	TP HCM	6,00	2,00	4,00	0,50	22,50
165	37651	NGUYỄN LÊ ANH	KHƯƠNG	9A13	NAM	06/12/2002	TP HCM	6,50	7,00	3,00	1,50	27,50
166	37654	ĐẶNG TRẦN	KIÊN	9A7	NAM	30/06/2002	TP HCM	6,25	4,00	3,50	1,00	24,50
167	37655	KIỀU TRUNG	KIÊN	9A4	NAM	25/10/2002	TP HCM	6,25	8,25	3,75	1,50	29,75
168	37656	NGUYỄN VĂN	KIỆN	9A3	NAM	12/01/2002	NAM ĐỊNH	4,75	5,00	2,50	1,00	20,50
169	37657	BÙI TUẤN	KIỆT	9A5	NAM	24/05/2002	TP HCM	5,00	6,25	4,50	1,00	26,25
170	37659	HUỖNH TUẤN	KIỆT	9A5	NAM	08/10/2002	TP HCM	6,00	9,75	7,75	1,50	38,75
171	37660	NGUYỄN VĂN TUẤN	KIỆT	9A7	NAM	29/12/2002	TP HCM	5,00	7,50	5,50	1,50	30,00
172	37662	QUÁCH QUỐC	KIỆT	9A8	NAM	06/03/2002	SÓC TRĂNG	7,50	9,75	6,50	2,50	40,25
173	37669	BÙI NGỌC KIM	LAN	9A7	NỮ	02/03/2002	TP HCM	8,25	9,25	7,25	1,50	41,75
174	37670	LÊ TRẦN HOÀNG	LAN	9A5	NỮ	29/05/2002	ĐỒNG THÁP	5,75	5,50	1,75	1,00	21,50
175	37673	TRẦN KHÁNH	LÂM	9A4	NAM	01/07/2002	TP HCM	6,00	5,00	1,50	2,00	22,00
176	37675	NGÔ HOÀNG	LÂN	9A5	NAM	14/06/2002	TP HCM	6,50	6,25	6,75	1,00	33,75
177	37678	ĐÌNH THỊ HỒNG	LINH	9A12	NỮ	10/04/2002	TP HCM	5,25	3,50	2,75	1,50	21,00
178	37681	LẠI ĐÀO KHÁNH	LINH	9A7	NỮ	26/03/2002	TP HCM	8,00	6,25	7,25	2,50	39,25
179	37682	LẠI ĐÀO MỸ	LINH	9A7	NỮ	26/03/2002	TP HCM	7,50	5,00	7,25	2,50	37,00
180	37683	NGUYỄN ÁI	LINH	9A1	NỮ	24/10/2002	TP HCM	6,50	9,00	5,75	1,50	35,00
181	37684	NGUYỄN DIỆU	LINH	9A13	NỮ	28/10/2002	TP HCM	4,00	2,75	1,75	0,50	14,75
182	37685	NGUYỄN DIỆU	LINH	9A2	NỮ	02/04/2002	TP HCM	8,00	7,75	6,25	1,50	37,75

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS NGÔ SĨ LIÊN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGỮ	TOÁN		
183	37686	NGUYỄN KHÁNH	LINH	9A5	NỮ	14/11/2002	TP HCM	6,50	6,25	4,75	1,00	29,75
184	37687	NGUYỄN LÊ TÚ	LINH	9A13	NỮ	25/05/2002	TP HCM	5,25	7,25	4,50	1,00	27,75
185	37689	PHẠM HỒNG THÙY	LINH	9A9	NỮ	11/01/2002	TP HCM	7,25	7,25	5,50	1,00	33,75
186	37690	PHAN THÙY	LINH	9A8	NỮ	26/01/2002	TP HCM	7,00	8,00	4,25	1,50	32,00
187	37691	TRẦN LÊ PHƯƠNG	LINH	9A5	NỮ	05/01/2002	TP HCM	6,75	4,00	1,50	0,00	20,50
188	37692	TRẦN THÙY	LINH	9A5	NỮ	16/06/2002	TP HCM	6,25	2,75	3,50	1,00	23,25
189	37695	VŨ NGỌC	LINH	9A3	NỮ	29/07/2002	TP HCM	4,75	5,75	4,00	1,50	24,75
190	37696	VŨ NGUYỄN KHÁNH	LINH	9A9	NỮ	25/10/2002	TP HCM	7,25	8,00	3,25	1,00	30,00
191	37700	NGUYỄN GIA	LONG	9A13	NAM	08/11/2002	TP HCM	6,25	6,50	1,00	1,00	22,00
192	37701	NGUYỄN HUỖNH	LONG	9A3	NAM	29/08/2002	TP HCM	4,75	6,75	4,25	2,50	27,25
193	37703	TRẦN NAM	LONG	9A13	NAM	23/12/2002	TP HCM	6,00	5,25	6,25	1,50	31,25
194	37704	TRƯỜNG QUANG	LONG	9A3	NAM	29/09/2002	KIẾN GIANG	4,50	6,25	1,75	3,50	22,25
195	37705	VÕ THÀNH	LONG	9A5	NAM	17/09/2002	TP HCM	2,25	4,50	1,00	1,00	12,00
196	37708	NGUYỄN ĐẮC VĨNH	LỘC	9A6	NAM	29/05/2002	TP HCM	7,50	9,00	7,25	1,50	40,00
197	37710	NGUYỄN MINH THIÊN	LỘC	9A4	NAM	09/11/2002	TP HCM	6,75	6,75	3,50	1,00	28,25
198	37715	VÕ THÀNH	LỘC	9A5	NAM	21/06/2002	TP HCM	6,25	8,50	2,50	1,50	27,50
199	37717	PHẠM TRÍ	LỢI	9A11	NAM	25/03/2002	CẦN THƠ	5,00	7,75	0,75	0,50	19,75
200	37719	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	9A9	NAM	17/08/2002	TP HCM	7,00	6,00	3,50	1,50	28,50
201	37723	BÙI XUÂN	MAI	9A13	NỮ	04/04/2002	TP HCM	6,75	3,75	2,25	1,50	23,25
202	37726	LÊ PHƯƠNG	MAI	9A1	NỮ	18/07/2002	TP HCM	5,75	8,75	3,75	1,50	29,25
203	37730	NGUYỄN XUÂN	MAI	9A5	NỮ	17/02/2002	TP HCM	6,00	5,50	4,25	1,50	27,50
204	37733	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	9A8	NAM	25/12/2002	TP HCM	6,50	7,00	4,50	1,50	30,50
205	37735	ĐÀO CHÍ	MINH	9A2	NAM	28/07/2002	TP HCM	5,75	9,50	5,50	1,50	33,50
206	37736	ĐẶNG QUỐC	MINH	9A4	NAM	04/10/2002	TP HCM	6,25	6,00	1,50	1,00	22,50
207	37740	LÊ HUỖNH CÔNG	MINH	9A8	NAM	01/01/2002	TP HCM	5,00	5,50	4,25	1,50	25,50
208	37742	NGUYỄN CÔNG	MINH	9A8	NAM	29/06/2002	TP HCM	6,75	6,75	6,00	1,50	33,75

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS NGÔ SĨ LIÊN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGỮ	TOÁN		
209	37744	NGUYỄN LÊ	MINH	9A4	NAM	23/01/2002	TP HCM	5,75	5,25	3,00	0,50	23,25
210	37747	VŨ NGUYỄN NHẬT	MINH	9A9	NAM	23/10/2002	TP HCM	7,00	7,25	6,25	1,50	35,25
211	37750	ĐỖ THANH	MƠ	9A10	NỮ	26/03/2002	LÂM ĐỒNG	7,00	4,25	4,00	2,50	28,75
212	37751	DƯƠNG TRÀ	MY	9A11	NỮ	26/10/2002	TP HCM	7,00	4,50	3,50	1,50	27,00
213	37755	PHẠM THẢO	MY	9A9	NỮ	12/01/2002	TP HCM	6,50	3,50	2,75	1,50	23,50
214	37757	PHẠM THỊ THANH	NA	9A4	NỮ	10/05/2002	THỪA THIÊN - HUẾ	5,75	2,75	0,25	1,00	15,75
215	37761	NGUYỄN PHƯƠNG	NAM	9A12	NAM	27/05/2002	TP HCM	5,50	6,50	6,00	1,50	31,00
216	37763	TRẦN TRỌNG	NAM	9A5	NAM	21/03/2002	HẢI DƯƠNG	5,00	3,50	1,50	1,00	17,50
217	37764	VŨ VĂN	NĂNG	9A12	NAM	21/08/2002	NAM ĐỊNH	4,25	5,50	0,25	0,50	15,00
218	37765	BÙI THANH	NGA	9A4	NỮ	16/08/2002	TP HCM	6,00	5,00	5,00	1,50	28,50
219	37767	NGUYỄN THỊ THUỶ	NGA	9A8	NỮ	25/08/2002	TP HCM	7,50	8,25	7,00	1,50	38,75
220	37769	ĐÀO MAI THANH	NGÂN	9A11	NỮ	06/04/2002	TP HCM	5,25	7,75	7,00	1,00	33,25
221	37771	LÝ KIM	NGÂN	9A12	NỮ	21/10/2002	TP HCM	5,25	3,50	4,00	2,50	24,50
222	37772	NGUYỄN BẢO	NGÂN	9A5	NỮ	09/12/2002	TP HCM	5,50	4,25	2,75	0,50	21,25
223	37774	NGUYỄN THI	NGÂN	9A8	NỮ	19/03/2002	BÌNH ĐỊNH	8,00	7,00	3,50	1,50	31,50
224	37775	NGUYỄN VY TUYẾT	NGÂN	9A8	NỮ	13/10/2002	VŨNG TÀU	5,25	6,75	4,00	1,50	26,75
225	37779	TRẦN THUY THANH	NGÂN	9A9	NỮ	17/05/2002	TP HCM	5,75	7,00	2,75	0,50	24,50
226	37780	TRƯỜNG KHÁNH	NGÂN	9A9	NỮ	16/03/2002	TP HCM	6,00	5,00	3,75	1,00	25,50
227	37782	VÕ PHƯƠNG	NGÂN	9A5	NỮ	02/01/2002	TP HCM	5,00	4,50	0,00	0,50	15,00
228	37783	VŨ MINH	NGÂN	9A2	NỮ	05/04/2002	TP HCM	7,25	6,75	4,75	1,50	32,25
229	37784	VŨ THÙY THANH	NGÂN	9A7	NỮ	28/02/2002	TP HCM	5,75	7,75	5,75	0,50	31,25
230	37786	ĐÌNH TRẦN THẢO	NGHI	9A7	NỮ	11/01/2002	TP HCM	7,75	8,75	5,75	1,50	37,25
231	37788	NGUYỄN NGỌC XUÂN	NGHI	9A4	NỮ	24/12/2002	TP HCM	7,00	9,25	4,25	1,50	33,25
232	37790	VÕ MỸ MẪN	NGHI	9A6	NỮ	27/05/2002	TP HCM	7,50	9,00	8,75	1,50	43,00
233	37791	NGUYỄN DUY	NGHI	9A12	NAM	26/10/2002	TP HCM	6,75	5,50	3,00	1,50	26,50
234	37797	HOÀNG BÍCH	NGỌC	9A8	NỮ	12/08/2002	TP HCM	7,25	8,50	6,75	1,50	38,00

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: **THCS NGÔ SĨ LIÊN**

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
235	37803	LÊ BÍCH	NGỌC	9A7	NỮ	11/12/2002	TP HCM	8,00	7,00	7,75	1,50	40,00
236	37805	NGÔ MỸ	NGỌC	9A13	NỮ	13/04/2002	TP HCM	6,00	7,00	4,75	1,00	29,50
237	37807	NGUYỄN ĐOÀN NHƯ	NGỌC	9A3	NỮ	22/10/2002	TP HCM	7,00	6,00	2,75	1,00	26,50
238	37809	TRẦN HOÀNG MINH	NGỌC	9A13	NAM	10/03/2002	TP HCM	4,25	4,25	1,50	1,00	16,75
239	37812	TRƯƠNG NGUYỄN BẢO	NGỌC	9A12	NỮ	20/12/2002	TP HCM	6,00	4,00	5,50	0,50	27,50
240	37814	ĐINH NGỌC ÁNH	NGUYỄN	9A9	NỮ	21/10/2002	TP HCM	7,50	9,00	8,00	1,50	41,50
241	37815	ĐOÀN ĐỨC KHÔI	NGUYỄN	9A4	NAM	30/03/2002	TP HCM	6,25	6,25	1,50	1,50	23,25
242	37816	ĐỖ PHÚC HẠNH	NGUYỄN	9A2	NỮ	04/04/2002	TP HCM	6,25	6,50	6,50	1,50	33,50
243	37822	NGUYỄN TRUNG	NGUYỄN	9A12	NAM	26/09/2002	TP HCM	5,75	7,00	5,50	1,50	31,00
244	37825	PHÙNG NGUYỄN KIM	NGUYỄN	9A9	NỮ	21/06/2002	TP HCM	7,00	9,50	6,00	1,50	37,00
245	37828	TRẦN THANH	NGUYỄN	9A1	NỮ	10/06/2002	TP HCM	7,25	8,75	3,75	2,50	33,25
246	37837	BÙI PHẠM YẾN	NHI	9A8	NỮ	20/06/2002	TP HCM	7,50	6,75	4,25	1,00	31,25
247	37841	LÊ TRẦN MINH	NHI	9A1	NỮ	15/10/2002	TP HCM	6,25	6,25	5,25	1,50	30,75
248	37845	NGUYỄN NGỌC ANH	NHI	9A4	NỮ	09/07/2002	TP HCM	7,25	3,75	2,75	1,00	24,75
249	37849	NGUYỄN TUYẾT	NHI	9A13	NỮ	31/03/2002	KIÊN GIANG	6,00	4,75	3,75	1,00	25,25
250	37850	PHẠM ĐÀO PHƯƠNG	NHI	9A2	NỮ	23/10/2002	TP HCM	7,75	9,50	7,00	1,50	40,50
251	37853	PHAN TRẦN PHƯƠNG	NHI	9A5	NỮ	21/12/2002	TP HCM	4,50	1,50	3,50	0,50	18,00
252	37854	TRẦN NGỌC UYÊN	NHI	9A6	NỮ	30/07/2002	TP HCM	7,00	8,50	7,00	1,50	38,00
253	37858	TRẦN Ý	NHI	9A10	NỮ	26/11/2002	TP HCM	6,25	7,75	4,25	1,50	30,25
254	37859	TRƯƠNG NGUYỄN QUỲNH	NHI	9A8	NỮ	27/09/2002	TP HCM	6,25	7,25	4,50	1,50	30,25
255	37863	NGUYỄN THỊ THÙY	NHUNG	9A9	NỮ	13/06/2002	QUẢNG TRỊ	7,50	6,50	6,00	1,50	35,00
256	37866	DIỆP NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	9A10	NỮ	27/07/2002	TP HCM	6,00	6,50	5,75	1,50	31,50
257	37867	ĐẶNG THỊ QUỲNH	NHƯ	9A9	NỮ	20/11/2002	TP HCM	4,75	6,50	2,75	1,50	23,00
258	37868	HOÀNG ÁI	NHƯ	9A9	NỮ	17/08/2002	TP HCM	6,75	8,00	6,50	1,00	35,50
259	37873	PHẠM ÁNH	NHƯ	9A10	NỮ	13/06/2002	TP HCM	6,75	7,25	4,25	1,00	30,25
260	37874	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	9A12	NỮ	01/05/2002	TP HCM	6,75	3,00	2,25	0,50	21,50

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: **THCS NGÔ SĨ LIÊN**

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGỮ	TOÁN		
261	37878	ĐẶNG MINH	NHỰT	9A3	NAM	03/04/2002	TP HCM	4,50	4,00	1,00	0,00	15,00
262	37879	LÊ THỊ YẾN	NI	9A13	NỮ	11/12/2002	TP HCM	6,00	6,75	0,50	1,00	20,75
263	37881	MAI NGỌC	OANH	9A10	NỮ	21/03/2002	TP HCM	8,25	8,00	7,00	1,50	40,00
264	37882	SZULC	PAULINA	9A8	NỮ	29/09/2002	BA LAN	6,75	6,50	6,50	1,50	34,50
265	37889	NGUYỄN TẤN	PHÁT	9A11	NAM	22/09/2002	VĨNH LONG	2,00	4,50	3,75	0,50	16,50
266	37898	ĐOÀN HỒNG	PHONG	9A7	NAM	22/11/2002	TP HCM	6,25	9,25	3,75	1,50	30,75
267	37899	NGUYỄN TẤN	PHONG	9A13	NAM	03/05/2002	TP HCM	6,25	4,75	6,00	1,50	30,75
268	37902	ĐỖ NAM	PHÚ	9A6	NAM	31/01/2002	TP HCM	7,50	8,50	6,00	1,50	37,00
269	37904	LÊ THANH	PHÚ	9A11	NAM	21/11/2002	TP HCM	6,50	8,75	3,00	1,00	28,75
270	37906	NGUYỄN XUÂN	PHÚ	9A13	NAM	17/08/2002	TP HCM	6,00	4,75	1,50	1,00	20,75
271	37912	NGÔ LÂM BẢO	PHÚC	9A2	NAM	28/02/2002	TP HCM	6,50	4,00	2,50	1,50	23,50
272	37913	NGUYỄN VŨ HOÀNG	PHÚC	9A7	NAM	25/07/2002	TP HCM	7,25	9,25	4,25	1,00	33,25
273	37915	PHAN NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	9A8	NAM	13/01/2002	TP HCM	6,75	9,00	7,00	1,50	38,00
274	37916	TRẦN HỒNG	PHÚC	9A11	NAM	16/04/2002	TP HCM	-1,00	-1,00	-1,00	1,50	-3,50
275	37919	VŨ THIÊN	PHÚC	9A13	NAM	10/04/2002	TP HCM	6,50	5,25	3,00	1,00	25,25
276	37920	LÊ ĐÌNH	PHỤNG	9A8	NAM	20/11/2001	LÂM ĐỒNG	6,75	5,25	5,50	1,50	31,25
277	37922	NGUYỄN THÁI	PHƯỚC	9A3	NAM	07/04/2002	TP HCM	6,75	5,50	5,25	1,50	31,00
278	37924	BÙI KIM	PHƯƠNG	9A10	NỮ	08/09/2002	TP HCM	6,25	4,25	4,00	1,00	25,75
279	37927	HOÀNG BẢO LAN	PHƯƠNG	9A2	NỮ	29/03/2002	KHÁNH HÒA	5,00	6,75	3,50	1,50	25,25
280	37930	LÊ NGỌC BẢO	PHƯƠNG	9A12	NỮ	09/03/2002	TP HCM	7,25	8,50	5,75	1,50	36,00
281	37933	NGUYỄN QUỲNH NAM	PHƯƠNG	9A8	NỮ	17/04/2002	TP HCM	6,25	7,00	5,75	1,50	32,50
282	37934	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	9A10	NỮ	12/10/2002	TP HCM	6,25	3,75	4,00	1,50	25,75
283	37936	TRẦN THU	PHƯƠNG	9A10	NỮ	15/09/2002	TP HCM	6,75	7,75	7,50	1,50	37,75
284	37938	VŨ NAM	PHƯƠNG	9A11	NỮ	26/07/2002	TP HCM	8,50	8,25	7,00	1,50	40,75
285	37940	TRẦN THỊ THÚY	PHƯƠNG	9A3	NỮ	10/10/2002	TP HCM	5,50	3,50	0,75	1,00	17,00
286	37943	TRẦN VIỆT	QUANG	9A5	NAM	26/03/2002	HẢI PHÒNG	5,25	4,25	0,75	1,00	17,25

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS NGÔ SĨ LIÊN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGỮ	TOÁN		
287	37944	VŨ MINH	QUANG	9A5	NAM	22/11/2002	TP HCM	5,25	3,50	1,50	0,50	17,50
288	37945	DƯƠNG MINH	QUÂN	9A12	NAM	24/03/2002	TP HCM	7,75	7,25	6,00	1,50	36,25
289	37948	LÊ VŨ ĐỨC	QUÂN	9A7	NAM	04/04/2002	TP HCM	7,25	6,25	4,00	1,50	30,25
290	37951	NGUYỄN ĐỖ MINH	QUÂN	9A12	NAM	04/10/2002	TP HCM	7,25	8,75	7,00	1,50	38,75
291	37953	NGUYỄN THIÊN	QUÂN	9A9	NAM	07/01/2002	TP HCM	6,75	6,50	6,75	1,50	35,00
292	37954	PHẠM MAI ANH	QUÂN	9A9	NAM	21/09/2002	TP HCM	6,25	4,00	2,00	0,50	21,00
293	37955	PHẠM MINH	QUÂN	9A11	NAM	23/07/2002	TP HCM	5,50	3,75	2,25	1,00	20,25
294	37957	TỔNG MINH	QUÂN	9A10	NAM	17/11/2002	TP HCM	7,00	8,50	5,50	1,50	35,00
295	37958	TRẦN HỒNG	QUÂN	9A4	NAM	22/03/2002	TP HCM	7,00	8,25	3,25	1,00	29,75
296	37959	TRẦN MINH	QUÂN	9A7	NAM	07/12/2002	TP HCM	8,00	9,75	7,25	1,50	41,75
297	37960	TRẦN MINH	QUÂN	9A7	NAM	10/08/2002	TP HCM	6,00	7,25	4,00	1,50	28,75
298	37961	TRƯỜNG MINH	QUÂN	9A3	NAM	25/09/2002	TP HCM	6,25	6,00	4,00	1,50	28,00
299	37967	PHẠM THỊ KIM	QUÝ	9A3	NỮ	05/11/2002	TP HCM	6,50	3,00	2,00	0,00	20,00
300	37968	TRẦN ĐỨC	QUÝ	9A12	NAM	08/08/2002	TP HCM	7,25	8,50	6,25	1,50	37,00
301	37969	HỒ THU	QUYÊN	9A4	NỮ	05/06/2002	TP HCM	5,75	2,75	0,00	0,50	14,75
302	37976	ĐÀO TRÚC	QUỲNH	9A2	NỮ	05/05/2002	TP HCM	8,00	9,25	7,75	1,50	42,25
303	37977	ĐẶNG DIỄM	QUỲNH	9A5	NỮ	02/01/2002	QUẢNG BÌNH	4,50	3,25	1,00	0,50	14,75
304	37978	ĐỖ THỊ	QUỲNH	9A6	NỮ	23/04/2002	THANH HÓA	8,25	10,00	7,50	1,50	43,00
305	37980	HOÀNG THỊ NHƯ	QUỲNH	9A6	NỮ	13/09/2002	HÀ TÂY	7,50	5,75	5,75	1,50	33,75
306	37981	LÊ DIỄM	QUỲNH	9A3	NỮ	23/09/2002	QUẢNG TRỊ	6,50	4,00	6,50	0,00	30,00
307	37982	LÊ NHƯ	QUỲNH	9A8	NỮ	24/09/2002	TP HCM	7,00	6,75	7,00	1,00	35,75
308	37986	VŨ THUY NHƯ	QUỲNH	9A13	NỮ	18/01/2002	TP HCM	5,50	5,00	4,25	1,50	26,00
309	37987	CAO TUỆ	SAN	9A8	NAM	25/07/2002	TP HCM	5,50	7,50	6,50	1,50	33,00
310	38001	NGUYỄN NGỌC	SƠN	9A3	NAM	03/09/2002	BÌNH ĐỊNH	6,00	4,75	3,75	1,50	25,75
311	38002	NGUYỄN THANH	SƠN	9A2	NAM	12/03/2002	TP HCM	5,25	7,25	5,50	1,50	30,25
312	38005	TRẦN TRUNG	SƠN	9A5	NAM	16/07/2002	TP HCM	4,50	5,25	2,50	1,00	20,25

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: **THCS NGÔ SĨ LIÊN**

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGỮ	TOÁN		
313	38006	LÊ MẠNH TRÍ	TÀI	9A5	NAM	23/09/2002	TP HCM	5,00	4,75	4,75	0,00	24,25
314	38007	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	9A4	NAM	13/07/2002	TP HCM	7,00	8,00	3,50	1,50	30,50
315	38010	TẠ NGỌC ANH	TÀI	9A12	NAM	18/11/2002	TP HCM	2,25	3,00	2,00	0,00	11,50
316	38011	TRẦN ĐỨC	TÀI	9A4	NAM	17/12/2002	TP HCM	6,50	9,00	4,25	1,50	32,00
317	38012	TRẦN VŨ ĐỨC	TÀI	9A11	NAM	02/04/2002	TP HCM	6,25	7,25	2,75	0,00	25,25
318	38013	VŨ NGUYỄN ANH	TÀI	9A11	NAM	04/04/2002	TP HCM	5,25	7,75	1,50	1,00	22,25
319	38016	MAI THẾ HUY	TÂM	9A5	NAM	04/05/2002	TP HCM	7,25	7,50	4,25	1,50	32,00
320	38021	TRẦN PHẠM TRÍ	TÂM	9A4	NAM	10/07/2002	TP HCM	6,25	6,75	0,75	1,00	21,75
321	38027	LÊ VĂN	THANH	9A13	NỮ	09/09/2002	TP HCM	6,75	8,50	5,00	0,00	32,00
322	38036	HỨA BÁCH	THÀNH	9A11	NAM	29/10/2002	TP HCM	4,00	4,25	1,25	1,00	15,75
323	38037	LŨU XUÂN	THÀNH	9A13	NAM	09/08/2002	TP HCM	6,50	8,25	3,00	1,50	28,75
324	38038	PHẠM TRUNG	THÀNH	9A12	NAM	29/10/2002	HẢI PHÒNG	7,00	8,00	6,75	1,50	37,00
325	38041	LÊ HUỖNH PHƯƠNG	THẢO	9A1	NỮ	17/11/2002	TP HCM	7,25	7,00	4,00	1,50	31,00
326	38043	LÊ NGUYỄN THANH	THẢO	9A10	NỮ	07/06/2002	TP HCM	5,75	7,00	3,50	1,50	27,00
327	38045	NGUYỄN HOÀI PHƯƠNG	THẢO	9A8	NỮ	02/10/2002	TP HCM	7,25	9,50	7,25	1,50	40,00
328	38046	NGUYỄN THANH	THẢO	9A9	NỮ	20/09/2002	TP HCM	7,00	6,25	6,50	1,00	34,25
329	38047	NGUYỄN THỤY THU	THẢO	9A12	NỮ	25/07/2002	TP HCM	7,00	6,25	2,75	3,50	29,25
330	38054	TRẦN LÊ GIA	THẢO	9A13	NỮ	27/04/2002	TP HCM	6,50	4,50	4,25	1,50	27,50
331	38055	TRẦN THỊ THU	THẢO	9A3	NỮ	02/05/2002	TP HCM	8,00	8,00	7,25	1,50	40,00
332	38056	TRẦN THÙY THANH	THẢO	9A9	NỮ	05/03/2002	KHÁNH HÒA	6,00	4,00	2,50	1,00	22,00
333	38059	VŨ QUỐC	THẢO	9A11	NAM	31/03/2002	TP HCM	3,75	3,75	4,00	1,00	20,25
334	38060	VŨ THANH	THẢO	9A10	NỮ	19/03/2002	TP HCM	6,50	5,50	7,50	1,50	35,00
335	38062	LÂM TRẦN QUỐC	THẮNG	9A13	NAM	06/06/2002	TP HCM	6,75	1,75	2,75	1,50	22,25
336	38066	VÕ CHIẾN	THẮNG	9A3	NAM	13/11/2002	TP HCM	2,75	8,00	1,50	1,00	17,50
337	38068	NGUYỄN NGỌC MAI	THI	9A13	NỮ	06/02/2002	TP HCM	4,75	3,50	4,00	1,00	22,00
338	38069	PHẠM NGỌC MĂNG	THI	9A6	NỮ	12/12/2002	TP HCM	8,00	9,50	7,75	3,50	44,50

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: **THCS NGÔ SĨ LIÊN**

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
339	38070	PHẠM YẾN	THI	9A5	NỮ	21/11/2002	TP HCM	5,25	4,00	4,00	0,00	22,50
340	38074	NGUYỄN VŨ HOÀNG	THIỆN	9A13	NAM	31/03/2002	TP HCM	6,50	4,00	2,75	1,00	23,50
341	38077	HÀ VÕ ĐỨC	THIỆN	9A8	NAM	15/02/2002	TP HCM	7,75	9,75	8,00	1,00	42,25
342	38078	NGUYỄN LÊ	THIỆN	9A5	NAM	08/05/2002	TP HCM	4,00	5,75	4,00	1,00	22,75
343	38080	TRẦN HOÀNG	THIỆN	9A13	NAM	14/08/2001	ĐỒNG NAI	6,00	4,75	3,00	1,00	23,75
344	38085	HUỖNH TẤN PHÁT	THỊNH	9A5	NAM	18/05/2002	TP HCM	7,50	8,25	4,25	1,50	33,25
345	38092	NGUYỄN HOÀNG ANH	THƠ	9A7	NỮ	19/10/2002	TP HCM	7,00	7,75	6,00	1,50	35,25
346	38095	HỒ PHAN MINH	THÔNG	9A10	NAM	01/11/2002	TP HCM	5,00	7,25	6,00	1,00	30,25
347	38097	NGUYỄN ĐÌNH	THÔNG	9A3	NAM	17/09/2002	TP HCM	6,25	3,50	2,50	1,00	22,00
348	38098	TÔN THẮT	THÔNG	9A4	NAM	24/01/2002	TP HCM	2,75	4,75	1,50	1,00	14,25
349	38099	TRẦN DƯƠNG	THÔNG	9A9	NAM	20/11/2002	TP HCM	6,75	7,75	6,00	1,50	34,75
350	38101	BÙI MINH	THU	9A2	NỮ	23/10/2002	TP HCM	7,50	6,75	5,50	1,50	34,25
351	38102	ĐINH THỊ QUỲNH	THU	9A10	NỮ	21/03/2002	TP HCM	5,50	5,00	5,00	1,00	27,00
352	38103	NGUYỄN VÕ HOÀI	THU	9A8	NỮ	18/07/2002	QUẢNG NGÃI	5,75	5,00	4,75	1,00	27,00
353	38105	NGUYỄN THÀNH	THUẬN	9A12	NAM	06/01/2002	BẾN TRE	4,00	3,50	1,75	1,00	16,00
354	38107	BÙI MINH	THÙY	9A13	NỮ	14/04/2002	TP HCM	6,25	5,75	5,25	1,00	29,75
355	38112	TRẦN LÊ THANH	THỦY	9A8	NỮ	24/01/2002	TP HCM	5,00	9,25	5,50	1,50	31,75
356	38116	HUỖNH PHẠM ANH	THỨ	9A2	NỮ	11/05/2002	TP HCM	5,25	8,00	6,50	1,50	33,00
357	38119	NGUYỄN MINH	THỨ	9A7	NỮ	19/09/2002	TP HCM	5,50	6,50	4,25	0,00	26,00
358	38121	NGUYỄN NGỌC ANH	THỨ	9A7	NỮ	29/08/2002	TP HCM	5,25	7,50	5,25	1,50	30,00
359	38123	PHẠM ANH	THỨ	9A8	NỮ	22/02/2002	TP HCM	4,25	8,00	4,50	1,00	26,50
360	38125	PHÙNG HỒ MINH	THỨ	9A5	NỮ	02/04/2002	TP HCM	-1,00	-1,00	-1,00	0,50	-4,50
361	38126	TRẦN ANH	THỨ	9A8	NỮ	18/01/2002	TP HCM	7,75	8,75	7,25	1,50	40,25
362	38127	TRẦN NGỌC MINH	THỨ	9A5	NỮ	23/06/2002	TP HCM	5,75	6,75	5,75	1,50	31,25
363	38130	VŨ HỒNG ANH	THỨ	9A6	NỮ	02/11/2002	TP HCM	8,25	9,00	7,50	1,50	42,00
364	38132	PHẠM XUÂN	THỨC	9A3	NAM	26/09/2002	TP HCM	6,00	6,75	4,00	1,00	27,75

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: **THCS NGÔ SĨ LIÊN**

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
365	38133	ĐINH NGUYỄN HOÀI	THƯỜNG	9A9	NỮ	13/01/2002	TP HCM	7,50	6,75	7,50	1,50	38,25
366	38134	VÕ THỊ HOÀI	THƯỜNG	9A13	NỮ	14/04/2002	BẾN TRE	5,00	3,00	3,50	1,00	21,00
367	38137	MAI NGỌC	THY	9A8	NỮ	05/07/2002	TP HCM	7,00	7,50	7,00	1,50	37,00
368	38138	NGUYỄN VÕ ANH	THY	9A6	NỮ	13/11/2002	TP HCM	8,25	9,50	8,25	1,50	44,00
369	38139	PHẠM THỊ MAI	THY	9A3	NỮ	16/12/2002	TP HCM	5,75	6,50	6,50	1,00	32,00
370	38140	TRẦN NGỌC BẢO	THY	9A5	NỮ	05/12/2002	TP HCM	5,00	6,25	3,00	1,00	23,25
371	38141	BÙI THỦY	TIỀN	9A11	NỮ	10/09/2002	TP HCM	4,25	4,75	2,75	0,50	19,25
372	38143	TRỊNH THỊ THỦY	TIỀN	9A9	NỮ	05/04/2002	TP HCM	6,25	8,00	6,75	1,00	35,00
373	38159	QUÝ	TOÀN	9A13	NAM	05/09/2002	TP HCM	4,00	2,00	2,00	0,50	14,50
374	38164	CHU NGUYỄN YẾN	TRANG	9A7	NỮ	29/10/2002	TP HCM	7,75	7,25	5,50	1,50	35,25
375	38165	ĐINH GIA	TRANG	9A3	NAM	18/04/2002	TP HCM	4,00	2,00	1,25	1,50	14,00
376	38166	ĐINH KIỀU THU	TRANG	9A8	NỮ	16/03/2002	TP HCM	7,00	5,25	6,50	1,00	33,25
377	38169	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	9A13	NỮ	24/09/2002	HÀ NỘI	6,00	3,75	0,50	0,50	17,25
378	38171	NGUYỄN THÙY	TRANG	9A2	NỮ	04/01/2002	TP HCM	7,00	7,00	5,75	1,50	34,00
379	38174	TRƯƠNG NGUYỄN KHÁNH	TRANG	9A12	NỮ	26/10/2002	NINH THUẬN	6,50	7,00	7,25	1,50	36,00
380	38176	VŨ LÊ ĐOAN	TRANG	9A8	NỮ	12/09/2002	TP HCM	7,50	8,75	8,00	1,50	41,25
381	38177	HỒ NGỌC	TRÂM	9A6	NỮ	05/10/2002	TP HCM	6,50	6,25	4,75	1,50	30,25
382	38178	LÊ NGỌC	TRÂM	9A11	NỮ	19/06/2002	TP HCM	6,50	8,25	7,00	2,00	37,25
383	38182	NGUYỄN THANH	TRÂM	9A7	NỮ	23/02/2002	TP HCM	4,75	3,75	7,00	1,50	28,75
384	38184	PHẠM NGỌC MAI	TRÂM	9A8	NỮ	18/09/2002	TP HCM	7,25	8,00	6,75	1,50	37,50
385	38188	LÊ NGỌC	TRÂN	9A11	NỮ	19/06/2002	TP HCM	6,50	6,75	6,00	2,00	33,75
386	38189	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	9A10	NỮ	16/04/2002	THỪA THIÊN - HUẾ	6,75	7,50	3,75	1,50	30,00
387	38191	PHẠM DIỄM BÍCH	TRÂN	9A10	NỮ	30/04/2002	TP HCM	6,75	7,50	4,25	1,50	31,00
388	38192	PHẠM HOÀNG BẢO	TRÂN	9A6	NỮ	31/10/2002	TP HCM	7,50	8,75	7,00	1,50	39,25
389	38193	VŨ BẢO	TRÂN	9A12	NỮ	12/09/2002	TP HCM	6,50	3,50	4,50	1,50	27,00
390	38195	NGUYỄN NGỌC	TRÍ	9A4	NAM	10/11/2002	TP HCM	6,25	4,75	5,50	0,50	28,75

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS NGÔ SĨ LIÊN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGỮ	TOÁN		
391	38196	PHẠM MINH	TRÍ	9A6	NAM	03/05/2002	TP HCM	7,50	8,75	7,75	1,50	40,75
392	38197	CAO MINH	TRIẾT	9A1	NAM	07/11/2002	TP HCM	5,00	6,50	3,75	1,50	25,50
393	38200	ĐỖ HẢI	TRIỀU	9A1	NAM	03/10/2002	TP HCM	6,00	8,00	5,50	1,50	32,50
394	38210	NGUYỄN VÂN	TRINH	9A7	NỮ	12/11/2002	TP HCM	6,75	7,25	6,50	1,50	35,25
395	38211	TRẦN NGỌC HƯƠNG	TRINH	9A7	NỮ	26/04/2002	TP HCM	6,75	6,00	7,00	1,50	35,00
396	38214	HÀ THANH	TRÚC	9A6	NỮ	16/01/2002	TP HCM	7,75	8,75	7,00	1,50	39,75
397	38216	NGUYỄN THANH	TRÚC	9A12	NỮ	30/11/2002	TP HCM	5,00	4,75	3,75	1,00	23,25
398	38220	TRẦN THỊ VÂN	TRÚC	9A8	NỮ	21/03/2002	TP HCM	7,00	7,75	5,50	1,50	34,25
399	38221	TRƯỜNG NGỌC THANH	TRÚC	9A12	NỮ	21/12/2002	TP HCM	7,25	5,00	3,75	1,50	28,50
400	38224	LÊ MINH	TRUNG	9A12	NAM	04/04/2002	TP HCM	2,25	-1,00	-1,00	1,00	2,50
401	38229	NGUYỄN ĐĂNG	TRƯỜNG	9A11	NAM	15/01/2002	TP HCM	4,75	4,00	2,00	0,50	18,00
402	38236	TRẦN ANH	TÚ	9A8	NAM	23/08/2002	TP HCM	6,75	7,75	6,75	1,00	35,75
403	38237	TRẦN HOÀNG NGỌC	TÚ	9A11	NỮ	08/08/2002	TP HCM	3,75	2,75	3,50	1,00	18,25
404	38241	HỒ QUANG	TUẤN	9A9	NAM	26/12/2002	TP HCM	5,50	7,50	4,25	1,00	28,00
405	38242	LÊ QUANG	TUẤN	9A3	NAM	18/09/2002	TP HCM	4,75	3,50	1,00	2,00	17,00
406	38246	NGUYỄN ANH	TUẤN	9A11	NAM	12/09/2002	TP HCM	1,50	1,50	1,00	1,00	7,50
407	38248	PHẠM HOÀNG	TUẤN	9A13	NAM	13/09/2002	TP HCM	5,50	5,00	2,75	1,50	23,00
408	38255	NGUYỄN THANH	TÙNG	9A13	NAM	21/08/2002	TP HCM	7,00	7,50	4,00	1,50	31,00
409	38257	TẠ QUANG	TÙNG	9A5	NAM	06/02/2002	HẢI PHÒNG	6,50	8,25	6,00	2,00	35,25
410	38263	LƯU NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	9A1	NỮ	16/11/2002	TP HCM	7,75	7,25	6,25	1,50	36,75
411	38265	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	9A9	NỮ	31/07/2002	TP HCM	8,25	7,50	7,50	1,50	40,50
412	38266	NGUYỄN PHẠM PHƯƠNG	UYÊN	9A7	NỮ	24/03/2002	TP HCM	8,00	8,00	8,75	1,50	43,00
413	38267	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	9A3	NỮ	09/07/2002	TP HCM	6,00	5,75	3,75	1,00	26,25
414	38269	PHẠM BÙI TỐ	UYÊN	9A3	NỮ	08/04/2002	TP HCM	7,25	5,00	4,50	1,50	30,00
415	38270	PHẠM HOÀNG PHƯƠNG	UYÊN	9A13	NỮ	24/12/2002	TP HCM	4,00	5,00	3,25	0,00	19,50
416	38271	PHẠM THỊ PHƯƠNG	UYÊN	9A11	NỮ	14/05/2002	TP HCM	6,50	4,00	4,75	1,00	27,50

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS NGÔ SĨ LIÊN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGỮ	TOÁN		
417	38273	HUYỀN HỒNG	UYỄN	9A6	NỮ	30/12/2002	TP HCM	8,50	8,00	7,25	1,50	41,00
418	38277	NGUYỄN ĐOÀN HỒNG	VÂN	9A4	NỮ	06/11/2002	TP HCM	5,50	2,75	3,75	0,50	21,75
419	38278	NGUYỄN NGỌC THẢO	VÂN	9A8	NỮ	21/06/2002	TP HCM	7,25	8,25	7,00	1,50	38,25
420	38279	TRẦN KIM PHI	VÂN	9A7	NỮ	22/04/2002	QUẢNG NAM	7,75	4,75	6,25	0,50	33,25
421	38281	VÕ THỊ THÚY	VÂN	9A3	NỮ	15/01/2002	TRÀ VINH	4,25	2,75	4,75	1,50	22,25
422	38284	DƯƠNG CẨM	VI	9A4	NỮ	02/05/2002	HÀ NAM	7,75	7,25	6,00	1,50	36,25
423	38285	HÀ HÀ	VI	9A10	NỮ	27/09/2002	QUẢNG NINH	7,25	7,50	6,00	1,50	35,50
424	38286	PHẠM HOÀNG TƯỜNG	VI	9A4	NỮ	31/07/2002	TP HCM	7,75	4,75	3,00	1,50	27,75
425	38293	TẠ QUỐC	VIỆT	9A4	NAM	12/08/2002	VĨNH PHÚC	6,00	6,75	2,50	1,50	25,25
426	38294	TRẦN QUỐC	VIỆT	9A12	NAM	07/05/2002	TP HCM	6,75	4,50	7,00	1,50	33,50
427	38295	DƯƠNG QUỐC	VINH	9A8	NAM	19/04/2002	TP HCM	7,50	9,50	7,50	1,50	41,00
428	38296	ĐẶNG QUANG	VINH	9A10	NAM	06/03/2002	TP HCM	6,50	8,25	6,75	1,50	36,25
429	38299	NGUYỄN TRƯỜNG	VINH	9A8	NAM	04/07/2002	TP HCM	6,25	8,75	4,25	1,50	31,25
430	38301	TRẦN LÊ	VINH	9A11	NAM	12/12/2002	TP HCM	4,75	3,25	4,00	1,50	22,25
431	38307	ĐẶNG MẠNH	VŨ	9A3	NAM	15/10/2002	TP HCM	5,00	3,00	0,00	0,50	13,50
432	38308	NGUYỄN HUỲNH HUY	VŨ	9A9	NAM	20/04/2002	TP HCM	5,75	6,50	5,50	1,50	30,50
433	38314	NGUYỄN ĐỊNH	VƯƠNG	9A12	NAM	16/03/2002	HÀ NỘI	4,00	6,25	1,00	1,00	17,25
434	38315	LÊ ĐỖ TƯỜNG	VY	9A7	NỮ	25/06/2002	TP HCM	7,25	6,50	6,50	1,50	35,50
435	38316	LÊ NGUYỄN NGỌC	VY	9A8	NỮ	06/03/2002	TP HCM	8,25	9,50	7,00	1,50	41,50
436	38319	LŨ TRẦN YẾN	VY	9A7	NỮ	23/12/2002	TP HCM	7,75	7,00	5,75	1,50	35,50
437	38321	MAI LÊ BẢO	VY	9A5	NỮ	05/09/2002	TP HCM	6,50	8,50	7,00	1,50	37,00
438	38324	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	VY	9A4	NỮ	03/12/2002	TP HCM	7,50	6,00	4,00	1,50	30,50
439	38325	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	VY	9A10	NỮ	24/09/2002	TP HCM	8,25	9,00	6,50	1,50	40,00
440	38326	NGUYỄN NGỌC THẢO	VY	9A3	NỮ	15/09/2002	TP HCM	6,75	5,00	3,75	1,50	27,50
441	38327	NGUYỄN PHƯƠNG	VY	9A6	NỮ	05/01/2002	TP HCM	8,25	7,25	6,75	2,50	39,75
442	38328	NGUYỄN THỊ THANH	VY	9A8	NỮ	28/05/2002	TP HCM	7,25	5,50	5,00	1,50	31,50

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: **THCS NGÔ SĨ LIÊN**

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGŨ	TOÁN		
443	38329	NGUYỄN THỊ TUỒNG	VY	9A12	NỮ	29/08/2002	TP HCM	6,25	6,00	4,00	1,50	28,00
444	38330	NGUYỄN TRẦN THẢO	VY	9A4	NỮ	21/12/2002	TP HCM	7,25	3,25	5,75	1,50	30,75
445	38332	PHẠM NGỌC THANH	VY	9A9	NỮ	10/11/2002	TP HCM	7,00	5,25	3,75	0,50	27,25
446	38338	TRƯỜNG THỊ LÊ	VY	9A8	NỮ	14/05/2002	TP HCM	7,25	7,50	4,75	1,50	33,00
447	38341	HOÀNG ĐẶNG THIÊN	Ý	9A11	NỮ	28/11/2002	TP HCM	7,00	5,50	1,75	1,00	24,00
448	38342	NGUYỄN HOÀNG MỸ	Ý	9A6	NỮ	11/09/2002	TP HCM	8,00	9,25	8,00	1,50	42,75
449	38350	NGUYỄN THANH DIỆU	ANH	9P	NỮ	15/05/2002	TP HCM	7,25	9,25	3,50	1,50	32,25
450	38351	VÕ HOÀNG	ANH	9P	NAM	23/03/2002	TP HCM	6,25	9,00	4,25	1,50	31,50
451	38352	NGUYỄN NGỌC BẢO	HÂN	9P	NỮ	20/05/2002	TP HCM	7,00	7,00	5,50	1,50	33,50
452	38353	NGUYỄN VŨ BẢO	HÂN	9P	NỮ	02/08/2002	TP HCM	7,00	9,50	7,75	1,50	40,50
453	38354	NGUYỄN MINH	HÙNG	9P	NAM	19/12/2002	TP HCM	6,75	9,50	7,75	3,00	41,50
454	38355	QUÁCH MAI	KHANH	9P	NỮ	22/01/2002	TP HCM	6,25	10,00	5,75	1,50	35,50
455	38356	TRƯỜNG HOÀNG MINH	KHANH	9P	NỮ	19/02/2002	TP HCM	5,25	7,00	4,50	1,50	28,00
456	38357	VĂN NHẤT BẢO	KHANH	9P	NỮ	07/05/2002	TP HCM	6,00	9,25	4,75	1,00	31,75
457	38358	NGUYỄN VIỆT	LONG	9P	NAM	27/03/2002	TP HCM	7,50	9,25	8,00	1,50	41,75
458	38359	NGUYỄN NHẬT	MINH	9P	NỮ	02/11/2002	TP HCM	8,00	9,25	3,75	1,50	34,25
459	38360	PHẠM LƯƠNG KIM	NGÂN	9P	NỮ	08/01/2002	TP HCM	6,25	9,75	3,00	1,50	29,75
460	38361	PHAN VŨ HẠNH	NGÂN	9P	NỮ	14/09/2002	TP HCM	6,00	9,75	6,50	2,50	37,25
461	38362	ĐỖ ĐÌNH	NGỌC	9P	NAM	15/12/2002	QUẢNG NAM	5,75	9,25	5,25	1,00	32,25
462	38363	LÊ HÒA BẢO	NGỌC	9P	NỮ	01/06/2002	TP HCM	8,50	10,00	8,75	3,00	47,50
463	38364	PHAN NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	9P	NỮ	24/10/2002	TP HCM	4,25	7,25	5,25	1,50	27,75
464	38365	LÊ	NGUYỄN	9P	NAM	08/03/2002	TP HCM	-1,00	-1,00	-1,00	1,00	-4,00
465	38366	TUỒNG NGỌC BÍCH	NGUYỆT	9P	NỮ	25/08/2002	TP HCM	8,00	8,25	7,25	1,50	40,25
466	38367	PHAN HỒ TRÚC	NHI	9P	NỮ	07/10/2002	TP HCM	7,25	10,00	3,00	1,50	32,00
467	38368	CAO ĐỖ HOÀNG	PHI	9P	NỮ	25/12/2002	TP HCM	6,75	9,25	3,25	1,50	30,75
468	38369	LÊ LÝ TRỌNG	PHÚC	9P	NAM	08/09/2002	TP HCM	6,25	9,00	6,00	1,50	35,00

BẢNG KẾT QUẢ

TRƯỜNG: THCS NGÔ SĨ LIÊN

SỐ TT	SBD	HỌ VÀ TÊN THÍ SINH		Lớp	PHÁI	NGÀY SINH	NƠI SINH	ĐIỂM CÁC BÀI THI			ĐIỂM CỘNG	TỔNG ĐIỂM
								VĂN	N. NGỮ	TOÁN		
469	38370	NGÔ THÙY	PHƯƠNG	9P	NỮ	04/01/2002	TP HCM	6,25	9,75	5,75	1,50	35,25
470	38371	PHẠM DƯƠNG MINH	QUANG	9P	NAM	19/03/2002	TP HCM	6,75	10,00	6,25	1,50	37,50
471	38372	NGUYỄN NGỌC GIANG	THANH	9P	NỮ	27/01/2002	TP HCM	6,00	8,50	4,00	1,00	29,50
472	38373	LINH QUANG	THIỆN	9P	NAM	11/05/2002	TP HCM	7,50	9,50	5,25	1,50	36,50
473	38374	ĐỖ NGỌC SONG	THÚ	9P	NỮ	10/08/2002	TP HCM	7,50	9,75	6,50	1,50	39,25
474	38375	HUỖNH THUY PHƯƠNG	TRÂM	9P	NỮ	08/10/2002	TP HCM	7,00	9,50	3,75	1,00	32,00
475	38376	LÊ BẢO	TRẦN	9P	NỮ	18/11/2002	TP HCM	7,00	9,25	7,25	1,50	39,25
476	38377	NGUYỄN MINH	TRÍ	9P	NAM	10/09/2002	TP HCM	5,00	7,25	1,50	1,50	21,75
477	38378	NGUYỄN ĐỨC CÁT	TƯỜNG	9P	NỮ	17/01/2002	LÂM ĐỒNG	6,75	8,50	6,75	1,50	37,00
478	38379	NGUYỄN PHẠM GIA	UYÊN	9P	NỮ	25/01/2002	BẠC LIÊU	8,00	9,25	7,75	2,50	43,25
479	38380	NGUYỄN NGỌC LAN	VY	9P	NỮ	11/11/2002	TP HCM	5,25	8,00	8,00	1,50	36,00
480	38381	TRẦN NGỌC THẢO	VY	9P	NỮ	19/01/2002	TP HCM	7,50	8,50	5,00	1,50	35,00
481	38382	TRẦN YẾN	VY	9P	NỮ	11/08/2002	TP HCM	7,75	9,00	4,75	1,50	35,50

TỔNG CỘNG CÓ 481 THÍ SINH